

Mấy suy nghĩ về việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

ThS NGUYỄN DANH TIÊN*

Toàn cầu hoá, xu hướng hội nhập kinh tế và giao thoa văn hoá đã chứng tỏ “mối quan hệ có tính chất sống còn giữa các quá trình sáng tạo văn hoá và phát triển kinh tế đang ngày càng trở nên quan trọng đối với toàn thể nhân loại”. “Bối cảnh kinh tế và văn hoá là hai chân của sự phát triển... phát triển kinh tế là cơ sở và điều kiện quan trọng hàng đầu của phát triển văn hoá và ngược lại, phát triển văn hoá chính là mục tiêu và động lực của phát triển kinh tế-xã hội”¹. Đó là mối quan hệ biện chứng, mối quan hệ đó dựa trên cơ sở chống lại sự độc tôn cũng như sự phân biệt, đối xử giữa các nền văn hoá, giữa các quốc gia và các dân tộc. Đó cũng là mối quan hệ dựa trên sự khẳng định các giá trị nhân bản, mang tính toàn cầu mà thiếu nó thì không thể nói đến sự đối thoại giữa các quốc gia và các dân tộc. Trong bối cảnh đó, để không tự đánh mất mình và không bị đồng hoá bởi các nền văn hoá lớn thì việc gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc được đặt ra như một vấn đề vừa mang tính chiến lược, vừa có “ý nghĩa thời sự”, quyết định sự tồn vong của dân tộc ta trong cuộc đua tranh cùng các dân tộc khác trên thế giới. Trên bình diện quốc tế, gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc là một vấn đề có tính nguyên tắc và là mối quan tâm sâu sắc của nhiều quốc gia, dân tộc. Đó là “khuyh hướng quốc tế. Nó cũng mạnh như khuyh hướng quốc tế hoá nền văn hoá mỗi dân tộc”².

Bản sắc dân tộc của văn hoá chính là phần tinh túy nhất, thấm sâu trong tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh của mỗi dân tộc. Bản sắc dân tộc không chỉ biểu hiện ở bề ngoài mà nó còn ẩn sâu bên trong, là cái hồn của một nền văn hoá. Chú trọng gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc chẳng những làm tăng lòng tự tôn dân tộc mà còn là cách tốt nhất để khơi dậy năng lực nội sinh của một dân tộc. Thực tế phát triển của Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) như Xinggapo, Hàn Quốc gần nửa thế kỷ qua đã chứng tỏ động lực phát triển của các nước đó nằm trong văn hoá chứ không chỉ là công nghệ. Do hiểu rõ sức mạnh của bản sắc-nội lực dân tộc, nên trong quá trình xây dựng đất nước, họ đã xác định phương châm: kết hợp đạo lý dân tộc với khoa học-kỹ thuật phương Tây. Bài học thành công trong phát triển kinh tế ở Nhật Bản và các nước công nghiệp mới ở châu Á là bằng chứng sống động chứng tỏ “đứng về mặt sản xuất vật chất thì các hoạt động cách mạng lớn trong lịch sử đều bắt nguồn từ đạo lý dân tộc hay bản sắc văn hoá dân tộc-cái làm nên văn hoá sản xuất chứ không phải bắt đầu từ khoa học-công nghệ”³.

Đối với Việt Nam, trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, toàn thể dân tộc đã dựng xây một nền văn hoá đặc sắc, mà *chủ nghĩa yêu nước* và ý chí độc lập dân tộc là nền tảng, cốt lõi, được vun đắp suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Sức mạnh đó đã giúp dân tộc ta đánh thắng kẻ thù xâm lược và

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

không bị đồng hoá bởi nền văn hoá ngoại lai. Bước vào thời kỳ CNH, HDH đất nước, trong bối cảnh thực hiện kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập, bản sắc văn hoá dân tộc được Đảng và Nhà nước nhận diện là "bộ lọc" để lựa chọn và tiếp thu các giá trị của tinh hoa văn hoá toàn nhân loại.

Để phát huy những giá trị tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc, thiết thực phục vụ sự nghiệp CNH, HDH đất nước, cần chú ý các vấn đề sau:

1. *Giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc*

Truyền thống văn hoá là giá trị văn hoá do lịch sử để lại. Các giá trị văn hoá chỉ trở thành truyền thống khi được tích lũy, sàng lọc qua nhiều thế kỷ, trở thành nét đặc trưng của dân tộc, kết thành những giá trị bền vững làm nên sức sống nội tại, năng lượng tiềm ẩn của dân tộc. Trong các truyền thống quý báu của dân tộc ta, nổi lên hàng đầu và cũng là điều cốt lõi nhất của bản sắc văn hoá Việt Nam chính là lòng yêu nước, ý thức tự tôn, tự cường dân tộc. Truyền thống quý báu đó được đúc kết trong các áng hùng văn của ông cha ta từ *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo, *Cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi đến *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong thời đại Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được nâng lên một tầm cao mới, trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng với tinh thần: Không có gì quý hơn độc lập tự do.

Ngày nay, trong bối cảnh đất nước đổi mới, mở cửa, chủ nghĩa yêu nước, nhân văn Việt Nam vẫn là giá trị tiêu biểu cho bản sắc, phẩm giá dân tộc và là định hướng cơ bản, chủ đạo cho nhận thức, hành vi và phong cách ứng xử của con người Việt Nam. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của đất nước và thời đại, chủ nghĩa yêu nước phải được thể hiện thành quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo đói, phấn đấu không mệt mỏi vì một nước Việt Nam giàu, mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Để thực hiện mục tiêu lớn lao đó, chủ nghĩa

yêu nước không chỉ đòi hỏi ý chí, quyết tâm và lòng dũng cảm mà còn đòi hỏi sự hiểu biết, trí thông minh, óc sáng tạo và lòng nhân ái. Hiện nay, động lực thúc đẩy chủ nghĩa yêu nước Việt Nam phát triển phụ thuộc rất nhiều vào việc Đảng, Nhà nước giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Quy tụ và phát huy cao độ những truyền thống đó sẽ tạo ra sức mạnh toàn dân tộc hướng vào xây dựng đất nước giàu mạnh về kinh tế, phong phú về tinh thần, từng bước hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam.

Cùng với việc giữ gìn và phát huy chủ nghĩa yêu nước, phải đưa truyền thống cộng đồng lên một tầm cao mới. Bởi lẽ, sự cố kết cộng đồng đã từng giúp dân tộc ta đứng vững trước thiên tai, địch hoạ, làm nên những trang sử hào hùng của dân tộc. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, trước thực trạng lối sống chạy theo đồng tiền, cạnh tranh, chèn ép lẫn nhau để làm giàu bằng mọi giá, bất chấp đạo lý, thì việc phát huy ý thức cộng đồng là lành đùm lá rách, thương người như thể thương thân của dân tộc có vai trò quan trọng để điều tiết, hạn chế bớt mặt trái của cơ chế thị trường, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới theo đúng định hướng XHCN. Trước xu hướng hội nhập quốc tế, nếu không có sự đoàn kết, thống nhất thì sẽ không tạo nên sức mạnh tổng hợp để đủ sức cạnh tranh với các nước khác. Trong bối cảnh mới, tinh cộng đồng phải được kế thừa, phát huy lên tầm cao mới, không chỉ là cộng đồng làng xã mà còn là cộng đồng dân tộc, cộng đồng quốc tế; không chỉ là tình cảm, mà còn là trách nhiệm. Mặt khác, những hạn chế của tinh cộng đồng truyền thống như: tính địa phương, cục bộ, bản vị phải được khắc phục.

Bên cạnh việc phát huy các giá trị truyền thống, tiếp tục xây dựng những giá trị mới phù hợp với trình độ phát triển hiện đại. Đó là phải tạo dựng lý tưởng, niềm tin cao đẹp, tư duy khoa học năng động và một tác phong công nghiệp. Bởi vì, giải quyết mối quan hệ

giữa truyền thống và hiện đại theo quan điểm phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của dân tộc, vừa tiến lên văn minh hiện đại, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc sẽ tạo lập con đường phát triển ổn định và bền vững cho đất nước. Đó chính là "phương thức từ truyền thống tiến lên hiện đại và trên cơ sở hiện đại nâng cao truyền thống, làm phong phú truyền thống, không ngừng tăng cường tiềm lực nội sinh của sự phát triển"⁴.

2. Bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc

Di sản văn hoá bao gồm di sản vật thể và di sản phi vật thể. Di sản văn hoá là bộ phận cơ bản và trọng yếu của nền văn hoá dân tộc.

Là đất nước có bề dày lịch sử, Việt Nam có một hệ thống các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể phân bố khắp mọi miền đất nước. Đó là hàng ngàn di tích lịch sử, văn hoá, danh thắng mà nổi bật là các di sản văn hoá được thế giới xếp hạng: Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, nhã nhạc cung đình (Huế); hàng trăm lễ hội và sinh hoạt văn hoá dân gian cùng rất nhiều di sản văn hoá trải dài và ẩn sâu trên khắp mọi miền của Tổ quốc. Hiểu rõ giá trị to lớn của các di sản văn hoá, trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy văn hoá truyền thống bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể. Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá X (6-2000) đã thông qua *Luật di sản văn hoá*.

Trong bối cảnh CNH, HĐH đất nước, trước tác động của mặt trái kinh tế thị trường, để đảm bảo sự phát triển hài hoà, bền vững giữa truyền thống và hiện đại, giữa kinh tế và văn hoá thì vấn đề bảo vệ di sản văn hoá được đặt ra cấp thiết. Bảo vệ và phát huy phải đi đôi với kế thừa và phát triển. Giữ gìn những giá trị văn hoá của cha ông, lưu truyền và nhân lên tác dụng trong bối cảnh hiện đại, đồng thời chắt lọc, tiếp nhận tinh hoa văn hoá nhân loại và cải biến, vận dụng cho phù hợp để phát triển nền văn hoá dân tộc. Việc bảo tồn các di sản văn hoá phải căn cứ trên các cơ sở khoa học và theo phương châm tôn trọng sự thật lịch

sử, tránh khuynh hướng lai căng và hiện đại hoá lịch sử.

3. Khôi phục, phát triển các lễ hội truyền thống và các sinh hoạt văn hoá dân gian

Lễ hội truyền thống và sinh hoạt văn hoá dân gian là nét đặc trưng trong sinh hoạt văn hoá tinh thần của dân tộc ta, nó được lưu truyền từ đời này sang đời khác và trở thành tín ngưỡng của nhân dân. Điểm tích cực của loại hình sinh hoạt văn hoá này thể hiện ở chỗ, đây là dịp để nhân dân tỏ lòng tôn kính các vị anh hùng, các danh nhân văn hoá dân tộc, thể hiện ước vọng hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ.

Nắm bắt được nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần chính đáng của nhân dân, những năm gần đây, các lễ hội truyền thống đã được khuyến khích phát triển. Năm 2000 lần đầu tiên giỗ tổ Hùng Vương (10 - 3 năm Canh Thìn) trở thành Quốc lễ, được Đảng và Nhà nước tổ chức trọng thể. Cũng trong năm 2000, hưởng ứng năm du lịch: *Việt Nam điểm đến của Thiên nhiên kỳ mĩ*, Bộ văn hoá-thông tin đã phối hợp với các địa phương tổ chức 20 lễ hội tầm cỡ quốc gia. Từ đó đến nay, các lễ hội truyền thống được tổ chức trọng thể, tiêu biểu như: Lễ hội 990 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội (năm 2000), Festival Huế (năm 2000, 2002, 2004); lễ hội các dân tộc Tây Nguyên tại Hà Nội (8-2002), tại Đắc Lắc (4-2004); lễ hội các dân tộc Khơ me ở Cần Thơ (8-2003) và ở Hà Nội (10-2003); lễ hội các dân tộc vùng Tây Bắc ở Hà Nội (5-2004), những ngày văn hoá Chăm (Ninh Thuận) tại Hà Nội (8-2004). Bên cạnh đó, hàng năm, có các lễ hội văn hoá-thể thao của dân tộc thiểu số Tây Bắc, Việt Bắc, miền Trung-Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, các lễ hội Chăm (Ninh Thuận), Khơ me (Tây Nam Bộ), Bà Chúa Xứ (Nam Bộ), Núi Bà Đen (Tây Ninh), Chử Đồng Tử - Tiên Dung (Hưng Yên), Phủ Dầy (Nam Định), Chùa Hương (Hà Tây), Hội Lim (Bắc Ninh)... được tổ chức hằng năm, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhân dân trong nước và khách quốc tế.

Việc khôi phục và tổ chức trọng thể các lễ hội truyền thống là hành động thiết thực thể hiện đạo lý *uống nước nhớ nguồn*, góp phần giữ gìn bản sắc dân

tộc, giáo dục nhân dân, nhất là thế hệ trẻ những truyền thống tốt đẹp của ông cha. Sự phát triển phong phú, rực rỡ sắc màu của các lễ hội trên mọi miền đất nước tạo ra sự tươi vui, phong phú hơn trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ta, góp phần cố kết cộng đồng, là một mạch nguồn trong trào hoà vào dòng chảy văn hoá lâu đời và đậm đà bản sắc của dân tộc.

Tuy nhiên, để phát huy mặt tích cực của các lễ hội truyền thống, cần khắc phục tình trạng "thương mại hoá"; kiên quyết dẹp bỏ các hủ tục lạc hậu trở dậy như: mê tín, dị đoan, ý thức phường hội, phe phái, đình đám... các tệ nạn xã hội trong quá trình tổ chức lễ hội. Mặt khác, cần hạn chế sự phát triển tràn lan các lễ hội. Việc tổ chức lễ hội đòi hỏi phải tôn vinh nét đặc sắc văn hoá của từng lễ hội, tránh dập khuôn; phải chọn lựa khôi phục và dàn dựng tốt các diễn xướng, các trò vui dân gian truyền thống bên cạnh các hoạt động văn hoá-nghệ thuật-thể thao, tránh rườm rà, tốn kém, lãng phí tiền của và thời gian. Cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành công an, văn hoá, du lịch, dịch vụ, giao thông để tổ chức tốt các lễ hội, sao cho mỗi lễ hội trở thành một bảo tàng văn hoá sống động, đậm đà bản sắc dân tộc trong không khí văn minh của đời sống mới, qua đó quảng bá với khách quốc tế bề dày và những đặc sắc của văn hoá Việt Nam.

4. *Giữ gìn và phát triển nền văn hoá đa dân tộc, giàu màu sắc*

Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng, là nền văn hoá đa dân tộc, nhiều màu sắc, là sự kết tinh của văn hoá các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Mỗi dân tộc có nền văn hoá riêng với những bản sắc riêng không trộn lẫn. Sự phong phú của nền văn hoá các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam làm nên tính đa dạng, phong phú cho nền văn hoá chung của cả dân tộc. Trong sự đa dạng của các nền văn hoá đều có điểm chung, thống nhất thể hiện ở tư tưởng, ước mơ vươn tới chân-thiện-mỹ. Do vậy, khẳng định những cái chung, tôn trọng những cái riêng sẽ tạo nên sự thống nhất trong tính đa dạng của nền văn hoá Việt Nam. Vấn đề đặt ra hiện nay là để giữ gìn, phát huy bản sắc của nền

văn hoá mỗi dân tộc cần khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hoá-nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta. Cùng với việc giữ gìn và phát triển các loại hình nghệ thuật của người Kinh: rối nước, chèo, tuồng, quan họ, cải lương, dân ca (Bắc-Trung-Nam); ca múa nhạc Huế, phải coi trọng phát triển các loại hình nghệ thuật của các dân tộc thiểu số như: lễ hội cồng chiêng (Tây Nguyên), lễ hội và múa (Chăm và Khơ me), nhạc cồng Mường, xoè Thái và các điệu dân ca, dân vũ của các dân tộc ít người khác. Bên cạnh đó, chú trọng phục hồi và phát triển tiếng nói, chữ viết: các sử thi, trường ca; các hoa văn trên trang phục; những nhà rông, nhà sàn, nhà dài... của các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đi đôi với việc giữ gìn đặc tính của nền văn hoá các dân tộc cần chống lại sự lai căng, pha tạp, đồng thời hết sức khuyến khích sự giao lưu văn hoá, văn nghệ giữa các dân tộc để làm giàu cho nhau và làm giàu cho nền văn hoá chung của đất nước.

Quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước là *quá trình gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc lên một tầm cao mới, đồng thời là quá trình không ngừng sáng tạo những giá trị văn hoá mới* để văn hoá Việt Nam vẫn giữ được "cốt cách" (bản sắc) dân tộc vừa theo kịp bước tiến chung của nhân loại, tạo tiền đề để thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng đất nước giàu, mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

1. *Bài phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 10 BCH TƯ Đảng Khóa IX.* Trích theo Báo Nhân Dân, ngày 6-7-2004, tr.3

2. Đỗ Huy, Trường Lưu: *Bản sắc dân tộc của văn hoá*, Viện văn hoá xuất bản, H, 1990, tr.12

3. Nguyễn Khắc Khánh: "Giữ gìn bản sắc dân tộc-một vấn đề của toàn xã hội", *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1996, tr.45

4. Phan Huy Lê: *Truyền thống và hiện đại-suy nghĩ và đề xuất*, *Tạp chí Cộng sản*, số 18-1996, tr.32.